TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày: 22/02/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thanh Liêm

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp KĐ, xã PT, huyện ThS, tỉnh An Giang.

Số điện thoại liên hệ: 0762.950.xxx

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B (Tám B), sinh năm 1967 và bà Lê Thị B, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Ấp KĐ, xã PT, huyện ThS, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa: Bà S, ông B có mặt; bà B1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Lê Thị S trình bày:

Bà Lê Thị B1 có tham gia dây hụi do bà S làm chủ, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 24 thành viên, khui ngày 26/9/2019, tên ghi trong sổ hụi là 8 B, bà B1 tham gia 01 phần đã hốt lần mở hụi thứ nhất được số tiền 35.110.000 đồng (có làm biên nhận do bà B1, ông B ký tên), sau đó đóng hụi chết được 03 lần thì ngưng không đóng nữa, do đó còn nợ lại 20 lần với số tiền là 40.000.000 đồng. Nay bà S khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị B1 và ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm trả số tiền 40.000.000 đồng.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông thừa nhận vợ ông là bà Lê Thị B1 có tham gia hụi do bà Lê Thị S làm chủ, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 26/9/2019, có 24 thành viên, bà B1 tham gia 01 phần và hốt lần đầu được số tiền 35.110.000 đồng, sau đó đóng hụi chết còn nợ lại 20 lần, nhưng do vỡ nợ nên vợ ông đã bỏ đi đến nay. Nay ông cũng thống nhất trả nợ cho bà S nhưng xin trả bằng số tiền đã hốt là 35.110.000 đồng và trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Lê Thị B1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà B1 vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà B1 cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Bà Lê Thị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Lê Thị B1 và ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ông Nguyễn Văn B thừa nhận vợ ông là bà Lê Thị B1 có tham gia chơi hụi do bà S làm chủ và đã hốt, sau đó đóng lại được 03 lần khui hụi thì ngưng, còn nợ lại 20 lần như bà S trình bày, nhưng do vỡ nợ nên vợ ông bỏ đi, ông cũng đồng ý trả nợ nhưng xin trả đúng số tiền đã hốt được là 35.110.000 đồng và xin trả dần 500.000 đồng mỗi tháng cho đến khi hết nợ.

Bà Lê Thị B1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bà Lê Thị B1 vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 40.000.000 đồng. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết và tư cách tham gia tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hụi vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú: Ấp Kinh Đào, xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang thụ lý vụ án dân sự và giải quyết là đúng quy định tại Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn là bà Lê Thị B1 vắng mặt không lý do; đồng thời, bà B1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, bà B1 đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về đánh giá chứng cứ: Căn cứ Biên nhận ngày 26/9/2019 (âl) và trình bày của bà S thể hiện: Bà là chủ dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 26/9/2019 (âm lịch), mỗi tháng khui một lần, hụi có 24 phần, bà Lê Thị B1 tham gia 01 phần, tên ghi trong sổ hụi là "8 Búa"; trong lần khui hụi đầu tiên vào ngày 26/9/2019 (âm lịch) bà B1 bỏ hụi và hốt được số tiền 35.110.000 đồng, khi giao tiền hụi bà S có làm biên nhận, bà B1 và chồng là ông B có ký tên nhận đủ số tiền. Sau đó, bà B1 có đóng lại hụi chết được 03 kỳ thì không tiếp tục đóng nữa cho đến khi hụi mãn. Nay bà S yêu cầu bà B1 và ông B có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi của 20 kỳ, mỗi kỳ 2.000.000 đồng, tương đương 40.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn B thừa nhận vợ ông là bà B1 có tham gia chơi hụi do bà S làm chủ và hốt được số tiền 35.110.000 đồng như bà S trình bày. Sau đó, đóng được 03 kỳ hụi thì ngưng, còn nợ lại 20 kỳ hụi chưa đóng. Tuy nhiên, vì hoàn cảnh khó khăn nên ông yêu cầu trả bằng số tiền hụi đã hốt được là 35.110.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết nợ nhưng yêu cầu này không được nguyên đơn chấp nhận.

Xét thấy, hợp đồng góp hụi giữa các đương sự được lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, khi giao kết hợp đồng thì bà S, bà B1, ông B là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch giữa các bên đương sự là hợp pháp. Việc bà B1 tham gia chơi hụi và hốt hụi thì ông Nguyễn Văn B có biết và ký tên nhận tiền hụi nên bà S yêu cầu ông B cùng có trách nhiệm với bà B1 trả tiền nợ hụi là có cơ sở.

Do bà B1 đã có lỗi trong việc vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận góp hụi, không tiếp tục góp hụi đầy đủ cho chủ hụi đến khi hụi mãn làm thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của chủ hụi là bà S nên bà S khởi kiện yêu cầu trả nợ hụi là có căn cứ.

Ông B yêu cầu trả bằng số tiền đã hốt là 35.110.000 đồng nhưng không được bà S đồng ý. Thấy rằng, loại hụi các bên thỏa thuận là loại hụi có lãi và mức lãi suất các bên thỏa thuận không vượt quá quy định, bà B1 đã hốt hụi nên phải thực hiện đóng hụi chết theo thỏa thuận, việc ông B yêu cầu trả bằng số tiền đã hốt là 35.110.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, ông B xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết nợ nhưng không được bà S chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Do đó, bà B1 và ông B phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà S số tiền nợ hụi là 40.000.000 đồng (tương đương 20 kỳ góp hụi, mỗi kỳ 2.000.000 đồng);

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát như đã phân tích trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Các đương sự không phải chịu chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, 288 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 24, 25, 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/2/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị S. Buộc bị đơn là bà Lê Thị B1 và ông Nguyễn Văn B cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn là bà Lê Thị S số tiền nợ hụi là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thanh toán xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn là bà Lê Thị B1 và ông Nguyễn Văn B cùng có nghĩa vụ liên đới phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn là bà Lê Thị S được nhận lại 1.000.000 (Một triệu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011270 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Mỹ Linh